

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **275/2023/HC-PT**

Ngày: 26/4/2023

V/v “*Khiếu kiện hành vi hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song L, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 10 và 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 156/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*” do có kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2710/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa:

Người khởi kiện: Bà Mai Thị H sinh năm 1943; Địa chỉ: Ngách 349/37 M, phường V, quận H1, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Bích T sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 7 khu 1 phường B, Thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh (Có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố L1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N - Phó chủ tịch UBND Thành phố L1 (Có đơn xin xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Lưu Hải Y - Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố L1 (Có đơn xin xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố L1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trác N1 - Phó chủ tịch UBND phường C (Có đơn xin xử vắng mặt).

2. Ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3; Địa chỉ: Tổ 66 khu 8 phường C, Thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2, bà H3: Ông Mai Đức M1 sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 52 khu 4B phường X, Thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh (Có mặt).

Người kháng cáo: Ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Mai Thị H và đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 10/DSST ngày 31/3/2001 của Tòa án nhân dân thành phố L1 và Bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc chia thừa kế giữa ông Mai Đức H2 và bà Mai Thị H thì ông H2 đã được quyền thừa kế toàn bộ ngôi nhà cấp 4 kèm theo các công trình phụ trên diện tích đất 160m² trị giá 62.835.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, tám trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Ông H2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Mai Thị H một phần giá trị tài sản thừa kế thành một khoản tiền là: 14.150.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Căn cứ bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001, ông H2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số S747104 ngày 30/7/2002 đối với diện tích 382,66m². Đồng thời, ông H2 đã chuyển nhượng 01 gian nhà và diện tích đất 377,7m² cho ông Nguyễn Minh T1, bà Trần Mộng H4 đã được UBND thành phố L1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/7/2002 số vào sổ N 722.

Bản án phúc thẩm, sơ thẩm nêu trên bị hủy theo quyết định giám đốc thẩm số 41/GĐTDS ngày 19/3/2003 của Tòa án nhân dân tối cao và đã được xét xử sơ thẩm, phúc thẩm lại vào năm 2007. Theo Bản án sơ thẩm số 11/2007/DSST ngày 17/5/2007 của TAND thành phố L1 và Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT ngày 16/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, bà Mai Thị H đã được chia 346,2m² đất và một gian nhà diện tích 19,53m² kèm theo công trình phụ.

Ngày 17/9/2021, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L1 đã tiến hành bàn giao tài sản thi hành án cho bà H3. Cụ thể: Tạm giao cho bà Mai Thị H sử dụng 340m² đất tại tổ 1B - khu 8A (tổ 66 - khu 8 mới) phường C, thành phố L1

và giao cho bà Mai Thị H sở hữu một gian nhà diện tích 19,53m² kèm theo công trình phụ nằm trên diện tích 346,2m² đất nêu trên (có sơ đồ kèm theo).

Sau khi nhận nhà và đất, ngày 25/10/2021, bà H3 làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố L1 trả lời bằng Văn bản số 4860/VPĐKQSDĐ ngày 13/12/2021 từ chối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị H với lý do: Vụ án trên đã được xét xử lại theo thủ tục chung. Diện tích đất đã cấp cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 đã được giải quyết lại tại Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT ngày 16/8/2007 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đã có hiệu lực pháp luật. Bản án không đề cập đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 nên không có căn cứ để thu hồi.

Vì vậy, bà H3 khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy Văn bản số 4860/VPĐKQSDĐ ngày 13/12/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S747104 ngày 30/7/2002 đã cấp cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3.

3. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố L1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H3 theo Quyết định tại bản án số 28/2007/DSPT ngày 16/8/2007 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã có hiệu lực pháp luật và Công văn số 630/CCTHADS ngày 20/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 20/8/2022, bà H3 có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện:

1. Tuyên bố hành vi không cấp GCNQSDĐ cho bà Mai Thị H của UBND thành phố L1 là trái pháp luật. Buộc UBND thành phố L1 phải cấp GCNQSDĐ cho bà H3 theo Bản án số 28/2007/DSPT ngày 16/8/2007 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Quyết định cưỡng chế thi hành án số 43/QĐ-THA ngày 04/4/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L1 (đã được thi hành án ngày 17/9/2021).

2. Xem xét tính hợp pháp của GCNQSDĐ số S747104 ngày 30/7/2002 đã cấp cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3.

Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh trình bày:

Ông, bà Mai Đức H2 - Trần Thị H3 được UBND thành phố L1 cấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S747104 ngày 30/7/2002 tại thửa đất số 30A tờ bản đồ số 23 thuộc tổ 1, khu 8A, phường C, thành phố L1 căn cứ Bản án phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà Mai Đức H2 - Trần Thị H3 tại thời điểm Bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 của

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đang có hiệu lực là đúng về trình tự, thủ tục theo quy định.

Đến ngày 19/3/2003 Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 41/GĐTDS tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/DSST ngày 31/3/2001 của Tòa án nhân dân thành phố L1 và Bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 17/5/2007, Tòa án nhân dân thành phố L1 xét xử vụ việc trên theo thủ tục sơ thẩm tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2007/DSST. Ngày 16/8/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm tại Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2007/DSPT.

Do Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT ngày 16/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh không đề cập đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố L1 cấp ngày 30/7/2002 đối với thửa đất số 30A tờ BĐĐC số 23 mang tên ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 dẫn đến việc thi hành theo bản án gặp vướng mắc. Nguyên nhân là khi xét xử, ông bà Mai Đức H2, Trần Thị H3 không khai trung thực là đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các cấp Tòa án không nắm được, đồng thời trong suốt quá trình xét xử, Tòa án không triệu tập Ủy ban nhân dân thành phố tham gia tố tụng nên bỏ sót nội dung về giấy cấp.

Ngày 16/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Công văn số 33/TA-KTNV phúc đáp Văn bản số 6542/UBND-THA ngày 30/8/2019 của UBND thành phố L1, giải thích những vướng mắc nêu trên với nội dung:

“UBND thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 theo Bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Quyết định Giám đốc thẩm số 41/GĐT-DS ngày 19/3/2003 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định hủy Bản án phúc thẩm nêu trên. Vụ án trên đã được xét xử lại theo thủ tục chung. Diện tích đất đã cấp cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 đã được giải quyết lại tại Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT ngày 16/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đã có hiệu lực pháp luật. Bản án không đề cập đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 nên không có căn cứ để thu hồi.”

Mặt khác, căn cứ khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, như sau: “6. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành”.

Vì vậy, không có đủ căn cứ để UBND thành phố L1 thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S747104 ngày 30/7/2002 đã cấp cho ông, bà Mai Đức H2, Trần Thị H3 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị H.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 trình bày:

Ông Mai Đức H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh là đúng quy định pháp luật. Ông H2 đang đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT ngày 16 tháng 8 năm 2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Phần diện tích đất đã chia thừa kế cho bà Mai Thị H theo Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT có nguồn gốc là do ông H2 và gia đình vợ ông H2 khai hoang, theo quy định của pháp luật thì thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Mai Đức H2 bà Trần Thị H3. Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT của TAND tỉnh Quảng Ninh xác định là di sản để chia thừa kế và tạm giao một phần đất cho bà Mai Thị H là không đúng. Do đó bà H3 không có quyền đòi phần đất này. Thửa đất nêu trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H2 là hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Bà H3 không có quyền yêu cầu hủy giấy chứng nhận này vì đây không phải là di sản thừa kế.

Mặt khác, theo Công văn số 33/TA-KTNV của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, công văn số 4860/VPĐKQSDĐ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì Bản án số 28/2007/DS-PT ngày 16/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh không đề cập đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S747104 do UBND thành phố L1 cấp ngày 30/7/2002 đối với thửa đất số 30A tờ BĐĐC số 23 mang tên ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3, do đó không có căn cứ để thu hồi, không có cơ sở để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S747104 ngày 30/7/2002 đã cấp cho vợ chồng ông H2.

Vì vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H và đình chỉ giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L1 trình bày:

Thống nhất với quan điểm của UBND Thành phố L1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điểm d khoản 1 điều 99 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H. Tuyên bố hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị H của Ủy ban nhân dân thành phố L1 là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố L1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/10/2022, ông Mai Đức M1 là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 là ông Mai Đức M1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 cho rằng hiện nay ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 đang có đơn yêu cầu Tòa án xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Mặt khác, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H, buộc Ủy ban nhân dân thành phố L1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 346,2m² và tài sản trên đất tại tổ 1B, khu 8A (nay là tổ 66, khu 8) phường C, thành phố L1 cho bà Mai Thị H trong khi đây là tài sản hợp pháp của ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở hợp là trái pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H.

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Mai Thị H là bà Hoàng Thị Bích T không đồng ý với kháng cáo của ông H2, bà H3 (Do ông M1 đại diện); đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Mặc dù thời điểm năm 2002, ông Mai Đức H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại Quyết định Giám đốc thẩm số 41/GĐT-DS ngày 19/3/2003 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định hủy Bản án phúc thẩm nêu trên. Vụ án trên đã được xét xử lại theo thủ tục chung. Diện tích đất đã cấp cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 đã được chia lại tại Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT ngày 16/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Bà Mai Thị H yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố L1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất được chia là căn cứ Bản án phúc thẩm số 28/2007/DSPT ngày 16/8/2007 đã có hiệu lực pháp luật; việc Ủy ban nhân dân thành phố L1 không thực hiện việc cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị H theo Bản án đã có hiệu lực là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H3.

Tuy nhiên, để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H thì phải căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố L1 đã cấp cho ông H2, bà H3 tại thời điểm năm 2002. Phần nhận định của Bản án sơ thẩm có kiến nghị UBND thành phố L1 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H2, bà H3 nhưng lại không đưa nội dung kiến nghị này vào quyết định của bản án là không giải quyết triệt để vụ án.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 do ông Mai Đức M1 đại diện theo ủy quyền; sửa phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh theo hướng phân tích như trên, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố L1 đã cấp cho ông H2, bà H3, buộc UBND thành phố L1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị H theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện ban đầu cũng như nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H đều là khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Theo bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất kèm theo biên bản giao nhận tài sản thi hành án ngày 17/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh thì phần diện tích đất tạm giao cho bà Mai Thị H (340m²) nằm trong phần diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ số S747104 ngày 30/7/2002 cho ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3, không liên quan đến diện tích đất 377,7m² vợ chồng ông Nguyễn Minh T1, bà Trần Mộng H4 nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H2, bà H3 (GCNQSDĐ cấp ngày 30/7/2002 số vào sổ N 722 đứng tên ông T1, bà H4). Bà Mai Thị H khởi kiện chỉ đề nghị xem xét tính hợp pháp của GCNQSDĐ số S747104 ngày 30/7/2002 đã cấp cho ông H2 và bà H3 nên Tòa án sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Minh T1, bà Trần Mộng H4 tham gia tố tụng là đúng quy định.

[3] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính.

[4] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[5] Ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 kháng cáo cho rằng hiện nay ông bà đang có đơn yêu cầu Tòa án xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2007/DS-PT ngày 16/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh nên Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố L1 thi hành việc giao đất và tài sản trên đất cho bà Mai Thị H theo quyết định của bản án là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà. Tuy nhiên, ông bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc đang được cơ quan có thẩm quyền thụ lý xem xét yêu cầu tái thẩm đối với Bản án nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông H2 và bà H3 là ông Mai Đức M1 xác nhận Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đã trả lời không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2007/DS-PT ngày 16/8/2007 nêu trên nên nội dung kháng cáo này của ông H2, bà H3 không có cơ sở chấp nhận.

[6] Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/DSST ngày 31/3/2001 của Tòa án nhân dân thành phố L1 và Bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết nội dung tranh chấp di sản thừa kế giữa ông Mai Đức H2 và bà Mai Thị H đã chia cho ông Mai Đức H2 thừa kế toàn bộ ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ kèm theo trên diện tích đất 160m² tại tổ 1B khu 8A phường C, thành phố L1. Ông H2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Mai Thị H phần giá trị tài sản thừa kế là 14.150.000 đồng. Căn cứ vào bản án phúc thẩm nêu trên, UBND thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S747104 do UBND thành phố L1 cấp ngày 30/7/2002 đối với thửa đất số 30A tờ BĐĐC số 23 mang tên ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 là đúng quy định pháp luật tại thời điểm được cấp.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 41/GĐTDS ngày 19/3/2003 của Tòa án nhân dân tối cao đã hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/DSST ngày 31/3/2001 của Tòa án nhân dân thành phố L1 và Bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố L1 để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết lại vụ án, ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 không trình bày về việc ông, bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, Tòa án không nắm được nên không triệu tập Ủy ban nhân dân thành phố L1 tham gia tố tụng. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2007/DS-PT ngày 16/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: Tạm giao cho bà Mai Thị H sử dụng 346,2m² đất tại tổ 1B, khu 8A (nay là tổ 66, khu 8) phường C, thành phố L1 và giao cho bà Mai Thị H sở hữu một gian nhà diện tích 19,53m² kèm theo công trình phụ nằm trên diện tích 346,2m² đất trên mà không đề cập đến nội dung về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2002 cho vợ chồng ông H2, bà H3.

[8] Xét thấy: Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S747104 do UBND thành phố L1 cấp ngày 30/7/2002 đối với thửa đất số 30A tờ BĐĐC số 23 mang tên ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 là đúng quy định pháp luật tại thời điểm được cấp. Tuy nhiên, sau đó Bản án dân sự sơ thẩm số 10/DSST ngày 31/3/2001 và Bản án dân sự phúc thẩm số 14/DSPT ngày 22/5/2001 đã bị hủy theo trình tự giám đốc thẩm, căn cứ pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S747104 ngày 30/7/2002 của UBND thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh cấp cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 không còn. Ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 không còn là chủ thể đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 382,66m² đất nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H2, bà H3 đối với diện tích đất nêu trên không còn giá trị, phải thu hồi, hủy bỏ.

[9] Vụ án trên đã được xét xử lại theo thủ tục chung. Diện tích đất đã cấp cho ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 đã được giải quyết lại tại Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2007/DSPT ngày 16/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó, phần diện tích đất tạm giao cho bà Mai Thị H 346,2m² đất (diện tích đo đạc thực tế để thi hành án là 340m²) và gian nhà 19,53m² nằm trong diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ số S747104 ngày 30/7/2002 cho ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3, quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mai Thị H bị ảnh hưởng trực tiếp nên bà Mai Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ của UBND thành phố L1 cấp ngày 30/7/2002 đứng tên ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 là có căn cứ. Ngày 17/9/2021, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L1 đã tiến hành bàn giao tài sản thi hành án cho bà H3. Bà Mai Thị H gửi đơn và giấy tờ kèm theo xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 340m² đất và tài sản trên đất tạm giao cho bà là đúng quy định tại điểm d khoản 1 điều 99 Luật Đất đai 2013 “Người được sử dụng đất theo bản án của Tòa án nhân dân”.

[10] UBND thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh không thực hiện việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà Mai Thị H với lý do theo quy định tại khoản 6 điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Công văn số 33/TA-KTNV ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thì không có căn cứ thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 (Văn bản trả lời số 4860/VPĐKQSDĐ ngày 13/12/2021 của UBND thành phố L1) là không đúng quy định như đã phân tích nêu trên. Tòa án

sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Mai Thị H về việc buộc UBND thành phố L1 thực hiện hành vi công vụ cấp giấy CNQSDĐ theo bản án đã có hiệu lực pháp luật, đã được thi hành án là có căn cứ, đúng quy định.

[11] Tuy nhiên, để thực hiện việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà Mai Thị H theo bản án đã có hiệu lực pháp luật thì phải thu hồi Giấy CNQSDĐ số S747104 của UBND thành phố L1 cấp ngày 30/7/2002 cho ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 để hủy bỏ phần diện tích 346,2m² đất tại tổ 1B, khu 8A (nay là tổ 66, khu 8) phường C, thành phố L1 và gian nhà diện tích 19,53m² kèm theo công trình phụ nằm trên diện tích 346,2m² đất đã chia lại cho bà Mai Thị H theo quy định điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Mặc dù phần nhận định của Bản án sơ thẩm có kiến nghị UBND thành phố L1 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H2, bà H3 nhưng phần quyết định của bản án lại không tuyên là không giải quyết triệt để vụ án, vướng mắc khi thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần quyết định của Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Kháng cáo không được chấp nhận nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên của Bản án sơ thẩm nên ông Mai Đức H2, bà Trần Thị H3 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh như sau:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai 2013; khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S747104 của UBND thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30/7/2002 đối với 382,66m² đất thuộc thửa số 30A tờ bản đồ số 23 tại tổ 1 khu 8A, phường C, thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh đứng tên ông, bà Mai Đức H2, Trần Thị H3.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố L1, tỉnh Quảng Ninh thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị H theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Ông Mai Đức H2 và bà Trần Thị H3 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, HCTP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà

Hoàng Thị Bích Hải

Lê Thị Mai